

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ STÂY - HÀ NỘI
Số: 12/2023/HSST
Ngày 15/3/2023.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ STÂY, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Với Hồng xét xử sơ thẩm gồm:
+ Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lã Hùng Cường
+ Các Hthẩm nhân dân: **Ông Đinh Quang Hòa.**
Ông Phùng Khắc Tuấn.
Đ diện Viện kiểm sát nhân thị xã STây tham gia phiên tòa: Bà Lã Thị Loan
- Kiểm sát viên sơ cấp.
Thư ký phiên tòa: Ông Lương N Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã STây.

Ngày 15 tháng 3 năm 2023 tại phòng xử án hình sự Tòa án nhân dân thị xã STây, thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân thị xã STây, thành phố Hà Nội tiến hành mở phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án hình sự thụ lý số: 04/2023/HSST ngày 07 tháng 02 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Thị T, sinh 1990; Nơi ĐKKHKT và trú tại: thôn L, xã Đ, thị xã STây, t.p Hà Nội; Quốc tịch : Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Con ông: Nguyễn Văn T, sinh 1944 ; Con bà : Nguyễn Thị N, sinh năm 1948; Chồng: Phan Văn T, sinh 1986 ; Con: Có 01 con sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự : không; Bị cáo T được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cầm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị T:

Bà Đặng Thị D - Luật sư Tộc Công ty Luật TNHH **DZ** Law. Tộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội ; Địa chỉ: Số 8, ngõ 42, phố Vũ N Phan, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

(Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- 1./ Bà Nguyễn Thị T, sinh 1958;
Địa chỉ: Số 18, đường T, phường TST, thị xã STây, t.p Hà Nội .
- 2./ Chị Nguyễn Thị H, sinh 1988;
Địa chỉ : Thôn Đ, xã T, huyện Ba Vì, t.p Hà Nội .
- 3./ Chị Trần Thị N , sinh 1990; Địa chỉ : Tổ 9, phường H, thị xã STây, t.p Hà Nội .
- 4./ Chị Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1980;
Địa chỉ: Số 65, đường 416, TST, thị xã STây, t.p Hà Nội .
- 5./ Chị Phùng Ánh N, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Số 149, phố Q, phường Q, thị xã STây, t.p Hà Nội.

6./ Chị Nguyễn Thị Mai A, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Thôn M, xã L, thị xã STây, t.p Hà Nội .

(Điều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI D VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị T, sinh 1990, trú tại thôn L, xã Đ, thị xã STây, TP Hà Nội. T bán hàng tạp hóa và hàng online tại nhà. T sử dụng số điện thoại 09981453116, có tài khoản zalo tên “Sad”, có tài khoản ngân hàng số 8330118707008 mở tại ngân hàng MB-Phòng giao dịch Đan Phượng mục đích để mua bán và thanh toán tiền hàng. Quá trình sử dụng mạng xã HT thấy một số Hnhóm đăng bài hỏi mua, bán hóa đơn giá trị gia tăng nên nảy sinh ý định mua hóa đơn bán kiểm lời. Qua mạng xã HT đã mua hóa đơn của Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Trọng Huy có trụ sở ở Quận Thanh X, Hà Nội, người Đ diện theo pháp luật là Trần Kiểm Dinh – sinh 1986 phường 14 quận 5 Thành phố Hồ Chí Minh; Công ty TNHH thương mại và sản xuất Aermec có trụ sở ở Quận Hg Mai, Hà Nội, người Đ diện theo pháp luật là Đoàn Thị Thắm - sinh 1978 ở phường 5 quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh; Công ty TNHH đầu tư Thương mại xuất nhập khẩu á Châu có trụ sở ở Quận Hà Đông, Hà Nội, người Đ diện thep pháp luật là Trần Văn Việt - sinh 1987 ở xã Yên Bình, huyện Vĩnh Tường, Tỉnh Vĩnh Phúc. Trong khoảng thời gian từ tháng 3/2022 đến tháng 6/2022 T bán tổng số 13 hóa đơn giá trị gia tăng của các Công ty trên cho một số cá nhân để T lời bất chính, cụ thể :

1. Bà Nguyễn Thị T- sinh 1958 ở TST, thị xã STây kinh doanh bán hàng tạp hóa tại nhà (có giấy phép đăng ký kinh doanh). Quá trình kinh doanh có một số hàng hóa không có hóa đơn GTGT, qua tìm hiểu bà T biết T có hóa đơn bán nên đã gọi điện hỏi mua 05 hóa đơn GTGT, T đồng ý và đã mua hóa đơn của Công ty Trọng Huy qua một người đàn ông không biết tên, địa chỉ với chi phí là 2,5% rồi bán lại cho bà T chi phí 3,5% giá trị tiền hàng trước Tế ghi trên hóa đơn, gồm :

- Hóa đơn GTGT số 4539 ngày 27/5/2022. Giá trị tiền hàng trước Tế là 15.379.090, Giá trị tiền hàng sau Tế là 16.917.000đ

- Hóa đơn GTGT số 4595 ngày 28/5/2022. Giá trị tiền hàng trước Tế là 10.636.363, Giá trị tiền hàng sau Tế là 11.700.000đ

- Hóa đơn GTGT số 5601 ngày 15/6/2022. Giá trị tiền hàng trước Tế là 14.925.927, Giá trị tiền hàng sau Tế là 16.120.000đ

- Hóa đơn GTGT số 5383 ngày 11/6/2022. Giá trị tiền hàng trước Tế là 9.629.630, Giá trị tiền hàng sau Tế là 10.400.000đ

- Hóa đơn GTGT số 5480 ngày 13/6/2022. Giá trị tiền hàng trước Tế là 8.888.889, Giá trị tiền hàng sau Tế là 9.600.000đ

Do không biết sử dụng điện thoại thông minh nên bà T đã đưa thông tin, tiền mặt cho con gái là Nguyễn Thị Kim C để C chuyển qua hình thức zalo cho T rồi T chuyển hóa đơn lại cho C. Trong quá trình gửi thông tin, chuyển tiền cho T thì C còn mua một số mặt hàng như mắm tép, đồ ăn vặt của T và chuyển tiền cho T từ tài khoản 1460205404122 của C mở tại ngân hàng Agribank đến tài khoản 8330118707008 của T nhưng chuyển cả tiền hàng và tiền mua hóa đơn gộp với nhau - nên đến nay C không nhớ được số tiền chuyển giúp bà T là bao nhiêu tiền mua hóa đơn và thời gian nào.

Chi phí mua hóa đơn T mua là 2,5%, rồi bán lại cho bà T 3,5% giá trị tiền hàng trước Thuế ghi trên hóa đơn. Như vậy T đã bán 05 hóa đơn GTGT cho bà Nguyễn Thị Trường, số tiền T lời là **594.600đ**.

2. Nguyễn Thị H - sinh 1988 ở xã Cam Thượng, huyện Ba Vì. H làm trình dược viên cho Công ty CP dược phẩm Việt Đức. Quá trình làm việc H tư vấn giới thiệu bán Tốc của Công ty cho một số quầy Tốc, trong đó có nhà Tốc Phương N ở 149 phường Ngô Quyền, thị xã STây do chị Phùng ÁnhN làm chủ. Do một số mặt hàng không có hóa đơn GTGT nên N nhờ H tìm hiểu, mua giúp hóa đơn để hợp thức. Sau khi tìm hiểu H biết Nguyễn Thị T bán hóa đơn với chi phí 5% nên trao đổi lại với N, N đồng ý và giao cho Nguyễn Thị Mai A là nhân viên bán hàng liên hệ với H qua ứng dụng zalo mua 06 hóa đơn GTGT. Sau khi H gửi thông tin, T đã liên hệ mua 06 hóa đơn GTGT của Công Ty Á Châu qua Nguyễn Thị Thùy D- sinh 1991 ở Quận Ngô Quyền, Hải Phòng, sử dụng tài khoản zalo “zunzun” với chi phí 3,5%. Gồm hóa đơn:

- Hóa đơn GTGT số 483 ngày 24/3/2022. Giá trị tiền hàng trước Thuế là 14.728.900, Giá trị tiền hàng sau Thuế là 15.465.345đ

- Hóa đơn GTGT số 496 ngày 25/3/2022. Giá trị tiền hàng trước Thuế là 12.383.000, Giá trị tiền hàng sau Thuế là 13.002.150đ

- Hóa đơn GTGT số 525 ngày 26/3/2022. Giá trị tiền hàng trước Thuế là 15.498.378, Giá trị tiền hàng sau Thuế là 16.273.297đ

- Hóa đơn GTGT số 544 ngày 28/3/2022. Giá trị tiền hàng trước Thuế là 5.395.270đ, Giá trị tiền hàng sau Thuế là 5.665.270đ

- Hóa đơn GTGT số 545 ngày 28/3/2022. Giá trị tiền hàng trước Thuế là 8.334.306đ, Giá trị tiền hàng sau Thuế là 8.751.021đ

- Hóa đơn GTGT số 604 ngày 30/3/2022. Giá trị tiền hàng trước Thuế là 4.610.000đ, Giá trị tiền hàng sau Thuế là 4.840.500đ

Để thực hiện việc thanh toán tiền mua hóa đơn, Mai A sử dụng tài khoản của mình số 0991006989999 mở tại ngân hàng MB – Chi nhánh Sơn Tây chuyển số tiền mua hóa đơn là 3.340.000đ (vào các ngày 25/3/2022 số tiền 1.360.000đ; ngày 28/3/2022 số tiền 1.530.000đ; ngày 30/3/2022 số tiền 450.000đ) đến tài khoản của H số 6250188988888 mở tại ngân hàng MB – Chi nhánh Sơn Tây, Sau đó H chuyển đến tài khoản của T số 8330118707008, T chuyển đến tài khoản của

D số 19129114617869, mở tại ngân hàng Techcombank- CN Hải Phòng. Tuy nhiên ngoài việc chuyển tiền mua hóa đơn thì H và D còn mua hàng của T, nên khi chuyển tiền H và D chuyển gộp cả tiền mua hàng và mua hóa đơn cho T nên đến nay H, D và T không xác định được giao dịch nào là chuyển tiền mua hóa đơn hay thanh toán tiền hàng.

Chi phí mua hóa đơn T mua là 3,5%, rồi bán lại cho N 5% giá trị tiền hàng trước Thuế ghi trên hóa đơn. Như vậy T đã bán 06 hóa đơn GTGT cho Phạm Phạm ễnh N, số tiền T lời là **930.000đ**.

3. Trần Thị N - sinh 1990 ở tổ 9 phường H, thị xã STây. N là dược sỹ và bán hàng Tóc tại nhà Tóc Minh N số 225 Quang Trung. Quá trình kinh doanh do một số mặt hàng không có hóa đơn, qua tìm hiểu biết T có bán hóa đơn GTGT nên N trao đổi mua 02 hóa đơn với chi phí thỏa Tận là 5% đối với hóa đơn có giá trị tiền hàng trước Thuế trên 10.000.000đ và 500.000đ đối với hóa đơn có giá trị tiền hàng trước Thuế dưới 10.000.000đ để hạch toán kê khai. Sau khi thỏa Tận T mua 02 hóa đơn của một người đàn ông không biết tên, địa chỉ trên mạng xã H(01 hóa đơn của Công ty Á châu và 01 hóa đơn của Công ty Aermec), chi phí 2,5% tiền hàng trước Thuế để bán cho N, cụ thể :

- Hóa đơn GTGT số 3856 ngày 31/3/2022. Giá trị tiền hàng trước Thuế là 1.285.714đ, Giá trị tiền hàng sau Thuế là 1.350.000đ

- Hóa đơn GTGT số 668 ngày 31/3/2022. Giá trị tiền hàng trước Thuế là 8.000.000đ, Giá trị tiền hàng sau Thuế là 8.400.000đ

Để thực hiện việc thanh toán mua hóa đơn N dùng tài khoản của mình số 19033112929017 mở tại ngân hàng Techcombank – Chi nhPhùng ẢnhNCầu Giấy chuyển đến tài khoản của T. Do ngoài việc mua hóa đơn N còn mua hàng kit test của T nên khi thanh toán gộp cả tiền mua hàng nên cả N và T không xác định được giao dịch nào là tiền mua hóa đơn hay mua hàng

Chi phí mua hóa đơn T mua là 2,5%, rồi bán lại cho N là 5% đối với hóa đơn giá trị tiền hàng trước Thuế trên 10.000.000đ và 500.000đ trên hóa đơn dưới 10.000.000đ. Như vậy T đã bán 02 hóa đơn GTGT cho Trần Thị N, số tiền T lời là **767.900đ**.

Quá trình điều tra mở rộng còn xác định trong khoảng thời gian từ tháng 3/2022 đến tháng 8/2022 có 09 trường hợp là Nguyễn Thế Hg, Mai Thị Hội, Đỗ Thị T, Trần Đức Sơn, Lưu Công M, Nguyễn Trọng Đ, Nguyễn Hg Tú, Nguyễn Quốc Hội, Trần Văn X chuyển tiền đến tài khoản số 8330118707088 của Nguyễn Thị T với số tiền 51.793.000đ có nội D chuyển tiền thanh toán hóa đơn. Cụ thể :

1. Nguyễn Thế Hg - sinh 1992 ở quận Lê Chân, TP Hải Phòng làm nghề lao động tự do. Khoảng đầu tháng 3/2022 thông qua mạng xã HHg đã liên hệ mua kit Test của Nguyễn Thị T để bán cho cá nhân, tổ chức có nhu cầu nhằm kiếm lời. Khi mua hàng có cơ quan yêu cầu xuất hóa đơn nên Hg đã yêu cầu T trả hóa đơn mua bán. Mặc dù biết việc bán hàng phải xuất hóa đơn nhưng vì hám lợi T đã yêu

cầu Hg phải trả thêm phí, sau đó T mua hóa đơn GTGT của một người đàn ông quen biết trên mạng xã Hnhung không biết tên, địa chỉ để xuất cho Hg. Đến nay cả Hg và T không nhớ, không lưu giữ thông tin, tài liệu liên quan đến số hóa đơn, tên Công ty xuất, nhận hóa đơn.

Việc thanh toán tiền hóa đơn Hg chuyển 1.600.000đ từ tài khoản 0934395885 của Hg đến tài khoản của T.

2. Chị Mai Thị H - sinh 1984 ở Hoàng Mai, Hà Nội. H làm nghề tự do và bán hàng online. Khoảng tháng 3/2022, thụng qua mạng xã HH đã đặt mua của Nguyễn Thị T số lượng 100 bộ Kit test và thanh toán bằng tiền mặt cho người giao hàng. Sau khi nhận hàng, chị H yêu cầu T xuất trả hóa đơn thể hiện việc mua, bán hàng. Mặc dù biết số kit test của mình bán cho chị H là hàng hóa trôi nổi và không có hóa đơn để xuất theo quy định nhưng T vẫn yêu cầu chị H chuyển chi phí đủ 10% giá trị tiền hàng. Sau khi chị H đồng ý, Nguyễn Thị T đã mua 02 hóa đơn GTGT của người đàn ông quen trên mạng xã H(T không biết thông tin, địa chỉ) để xuất cho H. Tuy nhiên, cả chị H và T không nhớ, không lưu giữ thông tin, tài liệu gì có liên quan đến số hóa đơn đã mua, xuất và tên Công ty đã xuất, nhận hóa đơn.

Để thực hiện việc thanh toán tiền hóa đơn, Mai Thị H đã chuyển tổng số tiền 1.000.000 đồng từ số tài khoản 9200122256668 của chị H đến số tài khoản 8330118707008 của T vào ngày 18 và 19 tháng 3 năm 2022.

3. Đối với anh Trần Đức S- Sinh năm 1979 ở phường Hg Liệt, quận Hg Mai, TP Hà Nội. S kinh doanh buôn bán Kit test và làm cộng tác viên cho một số nhà Tốc trên địa bàn TP Hà Nội. Thông qua mạng xã hội, S thường xuyên liên hệ, giao dịch mua hàng (Kit test, thiết bị y tế...) của Nguyễn Thị T thông qua hình thức gửi hàng đến địa chỉ nhà anh S rồi thanh toán tiền bằng hình thức trả tiền mặt cho người giao hàng. Để phục vụ quá trình kinh doanh Tận lợi và xuất trình khi cơ quan chức năng kiểm tra, anh S yêu cầu T xuất trả hóa đơn thể hiện việc mua, bán hàng. Mặc dù biết số kit test của mình bán cho anh S là hàng hóa trôi nổi và không có hóa đơn để xuất theo quy định nhưng T vẫn yêu cầu anh S chuyển chi phí xuất hóa đơn. Vì muốn được T xuất hóa đơn nên anh S đã đồng ý trả thêm phí cho T. Sau đó, Nguyễn Thị T đã mua hóa đơn GTGT của người đàn ông qua mạng xã H(T không biết thông tin, địa chỉ) để xuất cho anh S. Giữa anh S với T không thống nhất với nhau về chi phí mua hóa đơn; sau mỗi lần T xuất hóa đơn, anh S đó thanh toán đủ số tiền mà T yêu cầu.

Việc trao đổi giữa S và T qua ứng dụng Zalo; do chưa có cơ quan nào đến kiểm tra nên anh S chưa in hóa đơn, chứng từ trên mà vẫn lưu trên điện thoại di động. Đến nay, anh S đó nghỉ hoạt động kinh doanh và bị mất điện thoại; cả anh S và T đều không còn lưu giữ thông tin, tài liệu gì có liên quan đến số hóa đơn đã mua, xuất và tên Công ty đã xuất hóa đơn. Vì vậy, không cung cấp được thông tin, tài liệu gì khác cho cơ quan điều tra.

Để thực hiện việc thanh toán tiền hóa đơn, anh Trần Đức S đã thực hiện chuyển tổng số tiền 23.523.000 đồng từ số tài khoản 0869986148 mở tại ngân hàng MB-Chi nhánh Đống Đa của anh S đến số tài khoản 8330118707008 của T.

4. *Đối với chị Đỗ Thị T - Sinh năm 2000 ở phường Đ, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội.* Đỗ Thị T làm công việc tự do. Thông qua mạng xã hội, chị T quen biết nên thỉnh thoảng có mua đồ ăn (nước yến, b Phùng Ảnh N kẹo, mắ m tép...) của Nguyễn Thị T. Đầu tháng 3/2022, chị T có liên hệ, mua Kit test của T về để bán cho người có nhu cầu. Sau đó, chị T đề nghị T xuất hóa đơn thể hiện việc mua bán hàng; vì hám lợi nên T đã yêu cầu chị T phải trả thêm phí (tiền) để được xuất trả hóa đơn. Khi chị T đồng ý, Nguyễn Thị T đã mua 01 hóa đơn GTGT của người đàn ông quen trên mạng xã H(T không biết thông tin, địa chỉ) để xuất cho chị T. Tuy nhiên, cả chị T và T không nhớ, không lưu giữ thông tin, tài liệu gì có liên quan đến số hóa đơn đã mua, xuất và tên Công ty đã xuất, nhận hóa đơn.

Để thực hiện việc thanh toán tiền hóa đơn, ngày 31/3/2022, chị Đỗ Thị T đã chuyển khoản số tiền 1.900.000 đồng từ số tài khoản 0362682526 của chị T mở tại ngân hàng MB- Chi nhánh Đống Đa đến số tài khoản 8330118707008 của T.

5. *Đối với anh Lưu Công M - Sinh năm 1988 ở xã S, huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội.* M là người kinh doanh, buôn bán điện thoại di động và làm thêm dịch vụ chuyển tiền (cho người có nhu cầu) tại cửa hàng điện thoại M Gốt, địa chỉ: Phố Gốt, xã S, huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội. Ngày 12/5/2022, anh M có chuyển số tiền 250.000 đồng từ số tài khoản 3686683699999 của anh M mở tại ngân hàng MB- Chi nhánh Điện Biên Phủ đến số tài khoản 8330118707008 của T là do thực hiện dịch vụ chuyển tiền và viết nội D chuyển tiền theo yêu cầu của khách hàng. Hiện anh M không lưu giữ thông tin, tài liệu gì có liên quan đến người đã Tê chuyển tiền để nhận được tiền công; anh M không biết đó là giao dịch Tê chuyển tiền để thanh toán tiền mua hóa đơn.

Quá trình làm việc với Cơ quan điều tra, Nguyễn Thị T khai nhận số tiền 250.000 đồng đã chuyển vào tài khoản của T là tiền có được từ việc bán trái phép hóa đơn. Tuy nhiên, T không nhớ, không xác định được ai là người giao dịch mua hóa đơn, hóa đơn trên là do Công ty nào xuất, xuất cho Công ty nào.

6. *Đối với anh Nguyễn Trọng Đ - Sinh năm 1993 ở phường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông, TP Hà Nội.* Đ là người kinh doanh buôn bán vật tư y tế theo hình thức bán hàng online, bán lẻ, không đăng ký kinh doanh không mở cửa hàng. Khoảng tháng 4/2022, anh Đ có bán vật tư, thiết bị y tế cho một số đơn vị trên địa bàn TP Hà Nội nhưng không có hóa đơn để xuất cho đơn vị mua hàng. Anh Đ đã tìm hiểu qua mạng xã H để mua hóa đơn rồi xuất cho đơn vị mua hàng. Thông qua mạng xã hội, anh Đ đã liên hệ, giao dịch mua số lượng 01 hóa đơn GTGT của Nguyễn Thị T. Sau đó, Nguyễn Thị T đã mua 01 hóa đơn GTGT của người đàn ông quen trên mạng xã H không biết thông tin, địa chỉ để xuất cho anh Đ. Tuy nhiên, cả anh Đ và T không nhớ, không lưu giữ thông tin, tài liệu gì có liên quan đến số hóa đơn đã mua, xuất và tên Công ty đã xuất, nhận hóa đơn.

Để thực hiện việc thanh toán tiền hóa đơn, anh Nguyễn Trọng Đ đã chuyển số tiền 870.000 đồng từ số tài khoản 0866863993 của anh Đ mở tại ngân hàng MB - Chi nhánh Đống Đa đến số tài khoản 8330118707008, của T vào ngày 27/5/2022.

7. *Đối với anh Nguyễn Hoàng T- Sinh năm 1992 ở phường Hạ Long, TP Nam Định, tỉnh Nam Định.* T là người kinh doanh buôn bán kit test covid, khẩu trang, nước sát khuẩn theo hình thức buôn bán online, bán lẻ, không đăng ký kinh doanh không mở cửa hàng. Thông qua mạng xã hội, anh T đã liên hệ, giao dịch

mua hàng hóa (là Kit test, khẩu trang, nước sát khuẩn...) của Nguyễn Thị T. Qua trao đổi, anh T được T giới thiệu các mặt hàng giao bán là hàng sản xuất trong nước (có đầy đủ tem nhãn mác của nhà sản xuất); anh Tyêu cầu T phải xuất hóa đơn khi bán hàng và gửi hàng về địa chỉ là nhà ở của anh Trôi thanh toán tiền mua hàng bằng hình thức chuyển khoản. Vì hám lời, T đã yêu cầu T phải trả thêm phí (tiền) để được xuất hóa đơn. Vì vậy, khi bán hàng cho anh T thì T đã liên hệ, giao dịch mua hóa đơn của Công ty Á Châu từ người đàn ông quen trên mạng xã H(T không biết tên, địa chỉ) và đề nghị xuất hàng hóa theo như anh T mua để gửi kèm theo số hàng hóa mà T bán cho anh Tú.

Sau khi nhận hàng, anh T thấy kèm theo hàng hóa có hóa đơn của Công ty Á Châu nên đã thực hiện chuyển tổng số tiền 16.300.000 đồng (thể hiện tại 02 giao dịch) từ số tài khoản 0888782265 của anh T mở tại ngân hàng MB - Chi nhánh Điện Biên Phủ đến số tài khoản 8330118707008 của T để thanh toán tiền mua hàng của T. Đến nay, anh T đã nghỉ hoạt động kinh doanh và thay đổi điện thoại; cả anh T và T đều không còn lưu giữ thông tin, tài liệu gì có liên quan đến số hóa đơn đã mua, xuất và tên Công ty đã xuất hóa đơn. Vì vậy, không cung cấp được thông tin, tài liệu gì khác cho cơ quan điều tra.

8. Đối với anh Nguyễn Quốc H- Sinh năm 1982 ở phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng). Khoảng đầu tháng 3/2022, thông qua mạng xã H anh H đã liên hệ, giao dịch mua Kit test của Nguyễn Thị T để bán cho cá nhân, tổ chức có nhu cầu nhằm kiếm lời. Khi đó, có một số Công ty yêu cầu xuất hóa đơn GTGT nên anh H đã liên hệ, yêu cầu T xuất trả hóa đơn thể hiện việc mua, bán hàng, mặc dù biết theo quy định bán hàng phải xuất hóa đơn nhưng vì hám lợi T đã yêu cầu anh H phải trả thêm phí (tiền) để được xuất trả hóa đơn. Sau đó, Nguyễn Thị T đã mua hóa đơn GTGT của người đàn ông quen trên mạng xã H(T không biết thông tin, địa chỉ) để xuất cho anh H. Tuy nhiên, cả anh H và T không nhớ, không lưu giữ thông tin, tài liệu gì có liên quan đến số hóa đơn đã mua, xuất và tên Công ty đã xuất, nhận hóa đơn.

Để thực hiện việc thanh toán tiền hóa đơn, anh Nguyễn Quốc H đã chuyển tổng số tiền 3.500.000 đồng từ số tài khoản 0031001033453 của anh H mở tại ngân hàng Vietcombank-Chi nhánh Hải Phòng đến số tài khoản 8330118707008 của T vào ngày 04/3/2022.

9. Đối với anh Trần Văn X - Sinh năm 1982 ở phường Nam Lý, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Khoảng tháng 3/2022, thông qua mạng xã H Zalo, anh X đã liên hệ, giao dịch mua hàng (Kit test, thiết bị y tế...) của Nguyễn Thị T. Theo thỏa thuận, T gửi hàng đến địa chỉ nhà anh X; anh X thanh toán tiền bằng hình thức trả tiền mặt cho người giao hàng. Để phục vụ quá trình kinh doanh Tận lợi và xuất trình khi cơ quan chức năng kiểm tra, anh X yêu cầu T xuất trả hóa đơn thể hiện việc mua, bán hàng; mặc dù biết số kit test của mình bán cho anh X là hàng hóa trôi nổi và không có hóa đơn để xuất cho anh X nhưng T vẫn yêu cầu anh X chuyển chi phí đủ 10% giá trị tiền hàng. Vì muốn được T xuất hóa đơn nên anh X đã đồng ý trả thêm phí cho T; giữa anh X với T không thống nhất với nhau về chi phí xuất hóa đơn; sau mỗi lần T xuất hóa đơn, anh X đã thanh toán đủ số tiền mà T yêu cầu. Việc trao đổi, gửi thông tin qua ứng dụng Zalo; do chưa có cơ quan nào kiểm tra nên anh X chưa in hóa đơn, chứng từ trên mà vẫn lưu trên điện thoại di động. Đến nay, anh X đã nghỉ hoạt động kinh doanh và thay đổi điện thoại. Cả anh X và T đều không còn lưu giữ thông tin, tài liệu gì có liên quan đến

số hóa đơn đã mua, xuất và tên Công ty đã xuất hóa đơn. Vì vậy, không cung cấp được thông tin, tài liệu gì khác cho cơ quan điều tra.

Để thực hiện việc thanh toán tiền hóa đơn, anh Trần Văn X đã thực hiện chuyển tổng số tiền **2.850.000 đồng** từ số tài khoản 0311000664311 của anh X mở tại ngân hàng Vietcombank-Chi nhánh Quảng Bình đến số tài khoản 8330118707008 của T.

Cơ quan CSĐT – Công an TX STây yêu cầu bị can Nguyễn Thị T giải trình về các giao dịch chuyển tiền đến số tài khoản của T có nội D chuyển tiền thanh toán hóa đơn. Tuy nhiên, Nguyễn Thị T trình bày do bán nhiều mặt hàng và cho nhiều khách hàng nên đến nay không nhớ chính xác giao dịch chuyển tiền nào là giao dịch mua bán hàng hóa, giao dịch nào là giao dịch mua bán hóa đơn; không nhớ đã mua hóa đơn của Công ty nào để xuất bán cho 09 trường hợp trên ; Cơ quan điều tra cũng đã điều tra xác minh nhưng không T thập được thông tin, tài liệu gì khác nên không đủ căn cứ xem xét xử lý các đối tượng theo quy định pháp luật. Nguyễn Thị T tự ước lượng sau khi trừ chi phí phải trả để mua hóa đơn thì mỗi trường hợp T hưởng lợi khoảng 13% của tổng số tiền **51.793.000 đồng** . Tương ứng số tiền T lời khoảng **6.700.000 đồng**.

Như vậy, tổng số tiền lợi nhuận mà Nguyễn Thị T có được từ hành vi bán trái phép hóa đơn GTGT là **8.992.500 đồng**.

Quá trình điều tra, truy tố, bị cáo Nguyễn Thị T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số: 05/CT-VKS ngày 06/02/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã STây, Thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội : “*Mua bán trái phép hóa đơn*” ; theo khoản 1 Điều 203 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đề nghị HĐXX xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị T:Bà Đặng Thị D - Luật sư Tộc Công ty Luật TNHH **DZ Law**, (Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa , có bài phát biểu và đề nghị HĐXX như sau : Áp dụng Khoản 1 Điều 203; Điểm b, s, i Khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự; Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T mức hình phạt được hưởng án treo .

Đ diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã STây, thành phố Hà Nội giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội: “*Mua bán trái phép hóa đơn*”. Đề nghị HĐXX căn cứ Khoản 1 Điều 203; Điểm b, s, i Khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Thị T từ 12 đến 15 tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng.

Về vật chứng và tài sản liên quan đến vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS;

Tịch T sung công quỹ Nhà Nước: -01 chiếc điện thoại di động (Nhãn hiệu Oppo ColorOS, vỏ màu hồng, số phiên bản: F1 WEX 11- 190307 bên trong lắp 01 sim Viettel, số trên sim 8984048000902535770 điện thoại cũ, đã qua sử dụng).

01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, kiểu máy Iphone 6, số Imel 352029074858310, trên máy không gắn thẻ sim, điện thoại cũ , đã qua sử dụng.

01 Điện thoại Opo Renno2, Kiểu máy : CPH 1907Soos Imel 1: 861083047583293; Số Imel 2: 861083047583285 Trên máy có lắp 01 sim Viettel, số trên sim : 8984048000013541297, điện thoại cũ, đã qua sử dụng.

01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone, kiểu máy NF 151J/A, số Imel: 358540059838832, vỏ màu xanh trên máy lắp 01 sim Viettel, số trên sim : 89840448000064263727, điện thoại cũ, đã qua sử dụng.

Theo biên bản giao nhận vật chứng do Chi cục Thi hành án dân sự thị xã STây lập ngày 09/02/2023.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị T truy T sung công quỹ số tiền phạm tội mà có được từ hành vi bán trái phép hóa đơn GTGT là **8.992.500** đồng. Bị cáo T đã tự nguyện nộp số tiền trên tại Chi Cục thi hành án thị xã STây ngày 14/3/2023, nay không phải nộp nữa.

Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo và người tham gia tố tụng khác, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an thị xã STây, thành phố Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã STây, thành phố Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

Như vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để xác định:

[1]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Nguyễn Thị T Trong khoảng thời gian từ tháng 3 đến tháng 6/2022, Nguyễn Thị T đã có hành vi bán trái phép 13 hóa đơn giá trị gia tăng đã H thiện nội D của Công ty (Á châu, Trọng Huy, Aermec) cho Nguyễn Thị Trường, nhà Tóc Phương N và nhà Tóc Minh N để T lời bất chính số tiền **2.292.500 đồng**. Ngoài ra T còn bán hóa đơn GTGT cho 09 trường hợp khác nhưng không xác định được số lượng và Công ty xuất hóa đơn để T lời số tiền khoảng **6.700.000đ** , cụ thể như sau :

1. Bị cáo T bán hóa đơn cho bà Nguyễn Thị Tcụ thể:

- Hóa đơn GTGT số 4539 ngày 27/5/2022. Giá trị tiền hàng trước Thuế là 15.379.090, Giá trị tiền hàng sau Thuế là 16.917.000đ

- Hóa đơn GTGT số 4595 ngày 28/5/2022. Giá trị tiền hàng trước Thuế là 10.636.363, Giá trị tiền hàng sau Thuế là 11.700.000đ

- Hóa đơn GTGT số 5601 ngày 15/6/2022. Giá trị tiền hàng trước Thuế là 14.925.927, Giá trị tiền hàng sau Thuế là 16.120.000đ

- Hóa đơn GTGT số 5383 ngày 11/6/2022. Giá trị tiền hàng trước Thuế là 9.629.630, Giá trị tiền hàng sau Thuế là 10.400.000đ

- Hóa đơn GTGT số 5480 ngày 13/6/2022. Giá trị tiền hàng trước Thuế là 8.888.889, Giá trị tiền hàng sau Thuế là 9.600.000đ

Chi phí mua hóa đơn T mua là 2,5%, rồi bán lại cho bà T 3,5% giá trị tiền hàng trước Thuế ghi trên hóa đơn. Như vậy T đã bán 05 hóa đơn GTGT cho bà Nguyễn Thị Trường, số tiền T lời là **594.600đ**.

2. Bị cáo Bán hóa đơn cho chị Nguyễn Thị H như sau:

- Hóa đơn GTGT số 483 ngày 24/3/2022. Giá trị tiền hàng trước Thuế là 14.728.900, Giá trị tiền hàng sau Thuế là 15.465.345đ

- Hóa đơn GTGT số 496 ngày 25/3/2022. Giá trị tiền hàng trước Thuế là 12.383.000, Giá trị tiền hàng sau Thuế là 13.002.150đ

- Hóa đơn GTGT số 525 ngày 26/3/2022. Giá trị tiền hàng trước Thuế là 15.498.378, Giá trị tiền hàng sau Thuế là 16.273.297đ

- Hóa đơn GTGT số 544 ngày 28/3/2022. Giá trị tiền hàng trước Thuế là 5.395.270đ, Giá trị tiền hàng sau Thuế là 5.665.270đ

- Hóa đơn GTGT số 545 ngày 28/3/2022. Giá trị tiền hàng trước Thuế là 8.334.306đ, Giá trị tiền hàng sau Thuế là 8.751.021đ

- Hóa đơn GTGT số 604 ngày 30/3/2022. Giá trị tiền hàng trước Thuế là 4.610.000đ, Giá trị tiền hàng sau Thuế là 4.840.500đ

Chi phí mua hóa đơn T mua là 3,5%, rồi bán lại cho N 5% giá trị tiền hàng trước Thuế ghi trên hóa đơn. Như vậy T đã bán 06 hóa đơn GTGT cho Phụng Phụng ễnNN, số tiền T lời là **930.000đ**.

3. Bị cáo bán hóa đơn cho chị Trần Thị N cụ thể:

Chi phí mua hóa đơn T mua là 2,5%, rồi bán lại cho N là 5% đối với hóa đơn giá trị tiền hàng trước Thuế trên 10.000.000đ và 500.000đ trên hóa đơn dưới 10.000.000đ. Như vậy T đã bán 02 hóa đơn GTGT cho Trần Thị N, số tiền T lời là **767.900đ**.

Quá trình điều tra mở rộng còn xác định trong khoảng thời gian từ tháng 3/2022 đến tháng 8/2022 có 09 trường hợp là Nguyễn Thế Hg, Mai Thị Hội, Đỗ Thị T, Trần Đức Sơn, Lưu Công M, Nguyễn Trọng Đ, Nguyễn Hg Tú, Nguyễn Quốc Hội, Trần Văn X chuyển tiền đến tài khoản số 8330118707088 của Nguyễn Thị T với số tiền 51.793.000đ có nội D chuyển tiền thanh toán hóa đơn.

Cơ quan CSĐT – Công an TX Sơn Tây yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị T giải trình về các giao dịch chuyển tiền đến số tài khoản của bị cáo T có nội D chuyển tiền thanh toán hóa đơn. Tuy nhiên, bị cáo T trình bày do bán nhiều mặt hàng và cho nhiều khách hàng nên đến nay không nhớ chính xác giao dịch chuyển tiền nào là giao dịch mua bán hàng hóa, giao dịch nào là giao dịch mua bán hóa đơn; không nhớ đã mua hóa đơn của Công ty nào để xuất bán cho 09 trường hợp trên ; Cơ quan điều tra cũng đã điều tra xác minh nhưng không T thập được thông tin, tài liệu gì khác nên không đủ căn cứ xem xét xử lý các đối tượng theo quy định pháp luật. Bị

cáo T tự ước lượng sau khi trừ chi phí phải trả để mua hóa đơn thì mỗi trường hợp T hưởng lợi khoảng 13% của tổng số tiền **51.793.000 đồng**. Tương ứng số tiền T lời khoảng **6.700.000 đồng**.

Như vậy, tổng số tiền lợi nhuận mà bị cáo Nguyễn Thị T có được từ hành vi bán trái phép hóa đơn GTGT là **8.992.500 đồng**.

[2]. Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội đã xâm phạm đến chế độ quản lý hóa đơn, chứng từ của Nhà Nước, đồng thời xâm phạm đến hoạt động quản lý T chi ngân sách của Nhà Nước nên cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý.

HĐXX có đủ căn cứ kết luận bị cáo T phạm tội “ Mua bán trái phép hóa đơn” theo khoản 1 Điều 203 BLHS năm 2015 là đúng người đúng tội đúng pháp luật nên cần có mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Tuy nhiên HĐXX xét thấy quá trình điều tra và xét xử bị cáo phạm tội lần đầu Tội trường hợp ít nghiêm trọng; Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo T đã nộp đủ số tiền do phạm tội mà có là 8.992.500,đ khắc phục hậu quả. Nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo quy định tại điểm b, i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo T đã thành khẩn khai báo tỏ ra ăn năn hối cải, có nơi ở cư trú rõ ràng. Nên chỉ cần áp dụng Điều 65- BLHS năm 2015 cho bị cáo T được hưởng án treo cải tạo tại địa phương, với thời gian thử thách nhất định đối với bị cáo cũng đủ điều kiện cải tạo chịu thử thách theo pháp luật.

Ngoài hình phạt chính, Khoản 3 Điều 203 – BLHS2015 còn quy định hình phạt bổ sung đối với người phạm tội từ 10 triệu đồng đến 50 triệu đồng. Xét thấy bị cáo T có hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang nuôi con nhỏ vang mang thai . Nên HĐXX miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo T .

[3]. Đối với chị Nguyễn Thị Thùy D là người đã bán trái phép số lượng 06 hóa đơn GTGT (đã H thiện nội D) của Công ty Á Châu cho Nguyễn Thị T để hưởng lợi tổng số tiền 426.650 đồng (làm tròn 426.600 đồng). Tuy nhiên, hành vi của chị D chưa đủ yếu tố cấu thành tội: *Mua bán trái phép hóa đơn*. Cơ quan CSĐT – Công an TX STõy đã có văn bản gửi đến Cục Tể TP Hải Phòng thông báo về việc chị D mua, bán trái phép số lượng 06 hóa đơn GTGT và đề nghị xem xét, xử lý chị Nguyễn Thị Thùy D theo quy định của pháp luật. Nên HĐXX không xét.

Đối với bà Nguyễn Thị T là người mua trái phép số lượng 05 hóa đơn GTGT (tổng giá trị tiền hàng sau Tể ghi trên hóa đơn là 64.737.000 đồng) với mục đích kê khai hàng hóa đầu vào cho hộ kinh doanh Nguyễn Thị Trường. Vì vậy, không đủ yếu tố cấu thành tội phạm: *Trốn Tể*, quy định tại Điều 200 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) hoặc tội: *Mua bán trái phép hóa đơn*, quy định tại Điều 203 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy, Cơ quan CSĐT – Công an TX STây đã có văn bản gửi đến Chi cục Tể TX STây thông báo về việc bà Nguyễn Thị T mua trái phép số lượng 05 hóa đơn

GTGT và đề nghị xem xét, xử lý hành chính bà Nguyễn Thị Ttheo quy định của pháp luật. Nên HĐXX không xét.

Đối với chị Nguyễn Thị Kim C là người được bà T đưa tiền mặt, nhờ chuyển khoản thanh toán tiền mua hóa đơn của Nguyễn Thị T. Quá trình trao đổi bà T không nói, chị C không hỏi nên không biết gì về việc bà T nhờ gửi thông tin, chuyển tiền là để mua hóa đơn GTGT. Vì vậy, Cơ quan CSĐT – Công an TX STây không đưa ra hình thức xử lý đối với chị Nguyễn Thị Kim C. Nên HĐXX không xét.

Đối với chị Nguyễn Thị H là người mua trái phép số lượng 06 hóa đơn GTGT của Nguyễn Thị T cho nhà Tóc Phương N, không phải mua với mục đích bán lại kiếm lời, không được hưởng lợi gì từ việc mua hóa đơn nên không đủ yếu tố cấu thành tội phạm: Mua bán trái phép hóa đơn, quy định tại Điều 203 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy, Cơ quan CSĐT – Công an TX STây không đưa ra hình thức xử lý đối với chị Nguyễn Thị H là có căn cứ. Nên HĐXX không xét.

Đối với chị Nguyễn Thị Mai A là nhân viên bán hàng của nhà Tóc Phương N, được giao nhiệm vụ liên hệ, giao dịch với Nguyễn Thị T để mua số lượng 06 hóa đơn GTGT (tổng giá trị tiền hàng sau Thuế ghi trên hóa đơn là 67.045.000 đồng) cho nhà Tóc Phương N. Nhưng không phải mua với mục đích bán lại kiếm lời, không được hưởng lợi gì từ việc mua hóa đơn nên không đủ yếu tố cấu thành tội phạm: *Mua bán trái phép hóa đơn*, quy định tại Điều 203 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy, Cơ quan CSĐT – Công an TX STây không đưa ra hình thức xử lý đối với chị Nguyễn Thị Mai A là có căn cứ. Nên HĐXX không xét.

Đối với chị Phùng Phùng ÁnhN là người trao đổi, đặt vấn đề mua hóa đơn GTGT và giao chị Mai A liên hệ mua trái phép số lượng 06 hóa đơn GTGT (tổng giá trị tiền hàng sau Thuế ghi trên hóa đơn là 67.045.000 đồng) với mục đích kê khai, hạch toán hàng hóa dịch vụ đầu vào cho nhà Tóc Phương N. Tuy nhiên, chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm: *Trốn Thuế*, quy định tại Điều 200 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy, Cơ quan CSĐT – Công an TX STây đã có văn bản gửi đến Chi cục Thuế TX STây thông báo về việc nhà Tóc Phương N mua trái phép 06 hóa đơn GTGT và đề nghị xem xét, xử lý hành chính chị Phùng Phùng ÁnhNN theo quy định của pháp luật. Nên HĐXX không xét.

Đối với chị Trần Thị N là người trực tiếp, giao dịch mua trái phép của Nguyễn Thị T số lượng 02 hóa đơn GTGT (tổng giá trị tiền hàng sau Thuế ghi trên hóa đơn là 10.214.400 đồng) để kê khai Thuế, hạch toán hàng hóa dịch vụ đầu vào cho nhà Tóc Minh N. Tuy nhiên chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm: *Trốn Thuế*, quy định tại Điều 200 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy, Cơ quan CSĐT – Công an TX STây đã có văn bản gửi đến Chi cục Thuế TX STây thông báo về việc nhà Tóc Minh N mua 02 hóa đơn GTGT và đề nghị xem xét, xử lý hành chính chị Trần Thị N theo quy định của pháp luật. Nên HĐXX không xét.

Đối với các trường hợp Nguyễn Thế H, Mai Thị H, Đỗ Thị T, Trần Đức S, Lưu Công M, Nguyễn Trọng Đ, Nguyễn Hg T, Nguyễn Quốc H, Trần Văn X là người chuyển tiền, thanh toán tiền hóa đơn cho Nguyễn Thị T. Tuy nhiên, những trường hợp trên không thành lập Công ty, không còn hoạt động kinh doanh, không sử dụng các hóa đơn mà T đã xuất cho để thực hiện việc mua bán hóa đơn

hoặc kê khai để trốn Thuế. Ngoài ra, Cơ quan CSĐT – Công an TX STây không T giữ được những hóa đơn mà Nguyễn Thị T đã xuất, bán cho những trường hợp này. Vì vậy, Cơ quan CSĐT – Công an TX STây không đủ căn cứ vững chắc để xử lý đối với các trường hợp trên. Nên HĐXX không xét.

Các đối tượng Trần Văn V, Trần Kiếm D và Đoàn Thị T theo hồ sơ, tài liệu là người đứng tên Giám đốc của các Công ty Á Châu, Công ty Trọng Huy và công ty Aermec. Quá trình điều tra đến nay không có tài liệu gì xác định Trần Văn Việt, Trần Kiếm Dinh và Đoàn Thị Thắm có người không phải là giám đốc và không tham gia vào việc mua, bán trái phép hóa đơn. Vì vậy, Cơ quan CSĐT Công an TX STây không đủ căn cứ để xác minh xử lý đối với những trường hợp này. Nên HĐXX không xét.

Các Công ty (Á Châu, Trọng Huy và Aermec) là các Công ty mà Nguyễn Thị T đã mua, bán hóa đơn. Cơ quan CSĐT Công an TX STây đã có văn bản gửi đến Chi cục Thuế các Quận (Hg Mai, Hà Đông, Thanh X) thông báo về việc 03 Công ty trên bán trái phép hóa đơn GTGT để xử lý theo thẩm quyền. Nên HĐXX không xét.

Đối với người đàn ông đã bán trái phép hóa đơn GTGT cho Nguyễn Thị T, T khai không biết tên, tuổi, địa chỉ của người đàn ông này; việc thanh toán tiền mua hóa đơn được thực hiện chuyển khoản nhưng T không nhớ, không xác định được là giao dịch nào. Vì vậy, Cơ quan CSĐT – Công an TX STây không đủ căn cứ để xác minh, làm rõ. Nên HĐXX không xét.

[4]. Về vật chứng vụ án: Cần áp dụng Điều 47 – BLHS 2015 ; Điều 106 BLTTHS năm 2015 .

Tịch T sung công quỹ Nhà Nước:

-01 chiếc điện thoại di động (Nhãn hiệu Oppo ColorOS, vỏ màu hồng, số phiên bản: F1 WEX 11- 190307 bên trong lắp 01 sim Viettel, số trên sim 8984048000902535770 điện thoại cũ, đã qua sử dụng).

01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, kiểu máy Iphone 6, số Imel 352029074858310, trên máy không gắn thẻ sim, điện thoại cũ , đã qua sử dụng.

01 Điện thoại Opo Renno2, Kiểu máy : CPH 1907Soos Imel 1: 861083047583293; Số Imel 2: 861083047583285 Trên máy có lắp 01 sim Viettel, số trên sim : 8984048000013541297, điện thoại cũ, đã qua sử dụng.

01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone, kiểu máy NF 151J/A, số Imel: 358540059838832, vỏ màu xanh trên máy lắp 01 sim Viettel, số trên sim : 89840448000064263727, điện thoại cũ, đã qua sử dụng.

Theo biên bản giao nhận vật chứng do Chi cục Thi hành án dân sự thị xã STây lập ngày 09/02/2023.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị T truy T sung công quỹ số tiền **8.992.500** đồng. do bị cáo phạm tội mà có từ hành vi bán trái phép hóa đơn GTGT. Bị cáo T đã tự nguyện nộp số tiền trên tại Chi Cục thi hành án thị xã STây ngày 14/3/2023, nay không phải nộp nữa.

[5]. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, theo quy định tại Điều 135, 136 - Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1./Tuyên xử: Bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội: “ *Mua bán trái phép hóa đơn*”.

2./ Căn cứ khoản 1 Điều 203; Điểm b, Điểm i, Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 65 – Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 12 (Mười hai) tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo; Thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng; Kể từ ngày tuyên án; Giao bị cáo Nguyễn Thị T về UBND xã Cổ Đông, thị xã STây, t.p Hà Nội giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách . Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

4./ Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 – BLHS 2015 ; Điều 106 BLTTHS năm 2015 .

Tịch T sung công quỹ Nhà Nước:

-01 chiếc điện thoại di động (Nhãn hiệu Oppo ColorOS, vỏ màu hồng, số phiên bản: F1 WEX 11- 190307 bên trong lắp 01 sim Vittel, số trên sim 8984048000902535770 điện thoại cũ, đã qua sử dụng).

01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, kiểu máy Iphone 6, số Imel 352029074858310, trên máy không gắn thẻ sim, điện thoại cũ , đã qua sử dụng.

01 Điện thoại Opo Renno2, Kiểu máy : CPH 1907Soos Imel 1: 861083047583293; Số Imel 2: 861083047583285 Trên máy có lắp 01 sim Vittel, số trên sim : 8984048000013541297, điện thoại cũ, đã qua sử dụng.

01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone, kiểu máy NF 151J/A, số Imel: 358540059838832, vỏ màu xanh trên máy lắp 01 sim Viettel, số trên sim : 89840448000064263727, điện thoại cũ, đã qua sử dụng.

Theo biên bản giao nhận vật chứng do Chi cục Thi hành án dân sự thị xã STây lập ngày 09/02/2023.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị T truy T sung công quỹ số tiền do phạm tội mà có là: **8.992.500** đồng (Tám triệu chín trăm hai mươi hai nghìn, năm trăm đồng). Bị cáo T đã tự nguyện nộp số tiền trên theo biên lai T tiến số 0053351, ngày 14/3/2023 của Chi Cục thi hành án thị xã STây, nay không phải nộp nữa.

5./Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị cáo Nguyễn Thị T phải nộp 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

6./ Quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo về phần quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày; Kể từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự“.

Nơi nhận

- TAND Thành phố Hà Nội.
- VKSND t.x STây.
- Công an t.x STây.
- THADS, t.x STây.
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu HS, VP

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lã Hùng Cường

01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, kiểu máy Iphone 6, số Imel 352029074858310, trên máy không gắn thẻ sim, điện thoại cũ, đã qua sử dụng.

01 Điện thoại Opo Renno2, Kiểu máy : CPH 1907Soos Imel 1: 861083047583293; Số Imel 2: 861083047583285 Trên máy có lắp 01 sim Viettel, số trên sim : 8984048000013541297, điện thoại cũ, đã qua sử dụng.

01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone, kiểu máy NF 151J/A, số Imel: 358540059838832, vỏ màu xanh trên máy lắp 01 sim Viettel, số trên sim : 89840448000064263727, điện thoại cũ, đã qua sử dụng.

Theo biên bản giao nhận vật chứng do Chi cục Thi hành án dân sự thị xã STây lập ngày 09/02/2023.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị T truy T sung công quỹ số tiền do phạm tội mà có là: **8.992.500** đồng (Tám triệu chín trăm hai mươi hai nghìn, năm trăm đồng). Bị cáo T đã tự nguyện nộp số tiền trên theo biên lai T tiền số 0053351, ngày 14/3/2023 của Chi Cục thi hành án thị xã STây ngày 14/3/2023, nay không phải nộp nữa.

5./Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị cáo Nguyễn Thị T phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6./ Quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo về phần quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày; Kể từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự“.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA